

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC APLUS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC APLUS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APLUS VIET NAM EDUCATIONAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109340692

**3. Ngày thành lập:** 14/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

No05-LK38, Khu LK16-17-18AB, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8551        |
| 2.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8552        |
| 3.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;- Dạy đọc nhanh;- Đào tạo về sự sống;- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559(Chính) |
| 4.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8560        |
| 5.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8521        |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8522        |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8523        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. | 4649 |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761 |
| 10. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4764 |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651 |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652 |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741 |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659 |
| 16. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8219 |
| 17. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8211 |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6201 |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6202 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6209 |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6311 |
| 22. | Cổng thông tin<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312 |
| 23. | Xuất bản phần mềm<br>(không bao gồm xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5820 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 14/09/2020 đến ngày 14/10/2020

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỖ CHIẾN | Xóm 9 Huê Trì, Phường An Phú, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 24.000     | 240.000.000           | 16,000    | 030083003694                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 24.000     | 240.000.000           | 16,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN NGỌC HOAN  | P208-C1D4 KĐT Đặng Xá, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 24.000     | 240.000.000           | 16,000    | 033090007131                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 24.000     | 240.000.000           | 16,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                            |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN HÀ ĐAM   | Xóm 10, thôn Đình Xuyên, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 20,000 | 001077009570 |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                                            |                           |        |             |        |              |
| 4 | LÊ VĂN HIẾU     | Số 9, ngõ 127 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 | 013674549    |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Tổng số                   | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 |              |
|   |                 |                                                                                            |                           |        |             |        |              |
| 5 | NGUYỄN QUỐC SƠN | Thôn Quyết Thắng, Xã Thiệu Thịnh, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 | 038087001604 |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                            | Tổng số                   | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 |              |
|   |                 |                                                                                            |                           |        |             |        |              |

|   |            |                                                                                                  |                           |        |             |        |           |
|---|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 6 | LÊ THỊ GẮM | Số 5B, Ngõ 191/3 Lạc Long Quân, Tổ 9, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 | 013167776 |
|   |            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |            |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |            |                                                                                                  | Tổng số                   | 24.000 | 240.000.000 | 16,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỖ CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030083003694

Ngày cấp: 06/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 9 Huê Trì, Phường An Phú, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P 509 CT2A Khu đô thị Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội